

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Phúc.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 487/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1992, nơi cư trú: số nhà 31, đường số 8, tổ 8, thôn 1, xã H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Trần Tường T, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ 3, thôn 2, xã H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2018, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Sau khi tìm hiểu, chị và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 14/12/2010. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên: Trần Minh K, sinh ngày 11/12/2011 và Trần Tường M, sinh ngày 25/6/2013. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng vài năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, xung đột, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm về lối sống gia đình. Ngoài ra, anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà gây sự và đã từng đánh đập chị. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đầu năm 2018, chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Đây cũng là lần thứ tư chị về nhà mẹ ruột sinh sống sau khi xung đột với anh T. Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh T không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; Về con chung: Hiện cháu K đang do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn cháu M do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và anh T nuôi cháu M. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của anh T cũng như tiến hành phiên họp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: hôn nhân giữa chị N và anh T đã thật sự trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ. Về con chung: Xét thấy cháu K đang do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu M đang do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do đó cần giao cho chị N được tiếp

tục nuôi dưỡng cháu K và anh T nuôi cháu M, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Trần Thị N và anh Trần Tường T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị N và giấy khai sinh của Trần Minh K và Trần Tường M thì có đủ cơ sở xác định, các cháu là con chung của chị N và anh T. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Căn cứ vào lời khai của chị N và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì có đủ cơ sở xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T đã nhiều lần xảy ra xung đột, mâu thuẫn; chị N đã từng 04 lần bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống sau mỗi lần xung đột với anh T. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay,

mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Quá trình tham gia tố tụng, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy hiện cháu Trần Minh K đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trần Tường M đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu K đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nhằm tạo môi trường ổn định cho các cháu phát triển và tham gia học tập thì khi giải quyết ly hôn, cần giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và chị N nuôi cháu K là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con không phải xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N là người khởi kiện ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.
- Về hôn nhân: Tuyên bố Trần Thị N ly hôn Trần Tường T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 11/12/2011 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Tường M, sinh ngày 25/6/2013 cho anh Trần Tường T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị N và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025027 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã H;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã H;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA